

Chiến lược "Hai hành lang một vành đai" trong cục diện mới: TẠO LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN VÙNG PHÍA BẮC

PGS.TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

*Viện Kinh tế Việt Nam-
Viện Khoa học xã hội Việt Nam*

I. TÌNH THẾ VÀ CỤC DIỆN PHÁT TRIỂN MỚI

1. Nguyên tắc tiếp cận

Sau 20 năm đổi mới thành công, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên WTO. Trong thế giới toàn cầu hoá đang biến đổi nhanh chóng, tư thế và địa vị mới đó mở ra cho Việt Nam không gian phát triển rộng lớn, với nhiều cơ hội và thách thức mới. Đây là yếu tố quyết định buộc chúng ta phải thay đổi mạnh mẽ tư duy phát triển và chiến lược hành động.

Có thể nêu đặc trưng - đòi hỏi lớn nhất của sự thay đổi tư duy phát triển và chiến lược hành động ở hai luận điểm sau: Một là, *tầm nhìn toàn cầu, hành*

động địa phương⁽¹⁾; Hai là, *tận dụng thời cơ, tạo đột phá phát triển, tiến kịp thời đại.*

Hai đòi hỏi đó cấu thành trục chính định hướng quá trình giải quyết các vấn đề phát triển của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, với mục tiêu bao trùm là tận dụng các cơ hội mà quá trình hội nhập đang mở ra để tạo đột phá, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HDH), rút ngắn để thu hẹp khoảng cách tụt hậu phát triển⁽²⁾.

Cách tiếp cận tư duy và chiến lược này cũng đặt ra cho các địa phương (vùng và các tỉnh phía Bắc nằm dọc hai

hành lang và một vành đai) khi tìm kiếm, lựa chọn một chiến lược phát triển phù hợp với các điều kiện cụ thể (gồm cả lợi thế và bất lợi thế), mang tính khả thi và có khả năng đáp ứng các yêu cầu phát triển của địa phương trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Ở cấp độ hẹp hơn, cách tiếp cận đó là cơ sở xuất phát để xác định hướng phát triển dài hạn của các tuyến hội nhập (tuyến hành lang phát triển) và các "nút" phát triển quan trọng của vùng, tuyến hội nhập và địa phương (ví dụ "nút" thành phố Lào Cai, "nút" thị xã Móng Cái, thành phố Lạng Sơn hay các trung tâm phát triển ở các tỉnh thuộc vùng).

Để xây dựng chiến lược hành động đúng với tầm nhìn hội nhập - toàn cầu của toàn bộ vùng phía Bắc và các tỉnh dọc hai hành lang và vành đai phát triển phía Bắc⁽⁹⁾ (gọi tắt là các tỉnh phía Bắc) ở các cấp độ, trước tiên, cần định vị chính xác tình thế phát triển đặc thù của vùng phía Bắc, trong đó, hạt nhân là Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong tình thế chung của cả nước và khu vực.

Đối với Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, ngoài tình huống phát triển chung của cả nước, còn nổi lên những tình huống phát triển đặc thù. Sự kết hợp hai nhóm yếu tố cấu thành tình huống phát triển này cho thấy việc xác định cách tiếp cận phát triển và tư duy chiến lược cho các tỉnh phía Bắc trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế là một phức hợp lựa chọn, chịu

sự quy định của tầm nhìn toàn cầu - quốc gia và định hướng hành động địa phương (dựa trên lợi thế phát triển đặc thù của tỉnh, nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển cụ thể của địa phương, trong mối liên kết phát triển và phối hợp chiến lược vùng - quốc gia hài hòa).

2. Bối cảnh phát triển quốc tế và khu vực

Tình thế phát triển toàn cầu và khu vực là yếu tố tác động mạnh đến sự lựa chọn chiến lược hành động của Việt Nam. Nó bao gồm một số điểm nổi bật sau:

2.1. Toàn cầu hoá tiếp tục gia tăng mạnh

Tự do hoá là xu hướng bao trùm, theo đó, các nguồn lực di chuyển với tốc độ ngày càng cao trên phạm vi toàn cầu. Trong khung cảnh đó, quốc gia, địa phương, doanh nghiệp nào có năng lực hội nhập (khả năng tận dụng sức mạnh bên ngoài), sẽ có cơ phát triển nhảy vọt và tiến vượt.

2.2. Nền kinh tế thế giới chuyển nhanh sang kinh tế tri thức

Lợi thế phát triển quyết định hiện nay là tri thức và công nghệ cao. Thương mại dịch vụ đang trở thành động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế toàn cầu.

Hai xu hướng này đưa đến 3 cách tiếp cận phát triển mới:

Một là, hệ thống phân công lao động quốc tế được tổ chức theo "chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu". Các chủ thể tham gia

vào hệ thống đó bằng lợi thế riêng nhằm tận dụng cơ hội do toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế mang lại;

Hai là, lợi thế cạnh tranh chủ yếu của giai đoạn tới thuộc về những ngành dựa trên tri thức và công nghệ cao;

Ba là, nguồn nhân lực chất lượng cao (trí tuệ và kỹ năng) phải là lựa chọn ưu tiên hàng đầu trong hệ mục tiêu chiến lược của quốc gia, địa phương và doanh nghiệp.

2.3. Tương quan sức mạnh giữa các cường quốc đang thay đổi nhanh chóng

Mỹ tiếp tục giữ vai trò to lớn nhưng không còn độc tôn. Trung Quốc nổi lên như một thế lực định hình quyền lực toàn cầu. Thế giới sẽ chứng kiến sự trở lại của Nhật Bản nhờ “chiến lược đổi mới”, EU mở rộng và đổi mới để tiếp tục đóng vai trò là những cực tăng trưởng lớn. Một loạt trung tâm phát triển mới nổi (BRIC// VISTA)⁽⁴⁾. Với khuynh hướng này, cần lưu ý một số khía cạnh liên quan đến xây dựng ý tưởng chiến lược phát triển:

a) Đang hình thành trật tự thế giới mới, theo đó, các nước sẽ phải học cách ứng xử mềm dẻo và linh hoạt trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc.

b) Để phát triển (hội nhập và cạnh tranh quốc tế hiệu quả), các chủ thể cần có “sức mạnh mềm” (khoa học công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ cấu thể chế vững chắc...)

2.4. Một số vấn đề toàn cầu khác

a) Các nước phát triển đối mặt với xu hướng già hoá dân số; các nước đang phát triển lại gia tăng mạnh dân số. Hai xu hướng này có tác động mạnh đến cấu trúc thị trường toàn cầu.

b) Xung đột và khủng bố quốc tế đặt thế giới thường xuyên *đôi mặt với bất ổn và rủi ro*. Trong khung cảnh chung đó, *ổn định và an toàn* trở thành một lợi thế cạnh tranh quan trọng, nhất là trong lĩnh vực thu hút đầu tư và du lịch.

c) Sự bùng nổ phát triển ở các nền kinh tế mới nổi làm tăng độ bất ổn toàn cầu do nguồn tài nguyên đầu vào ngày càng khan hiếm, cạnh tranh xuất khẩu hàng chế tác truyền thống khốc liệt, gia tăng sức ép lên các thị trường lao động ít kỹ năng.

2.5. Châu Á được dự báo là sẽ tiếp tục giữ nhịp độ tăng trưởng cao và phát triển năng động trong 10 - 15 năm tới

+ Đông Á cùng với Nam Á trở thành trung tâm tăng trưởng lớn toàn cầu sẽ đóng góp to lớn vào tăng trưởng cao và phát triển bền vững của thế giới.

+ Sự nổi lên của tầng lớp trung lưu châu Á, tầng lớp ưa thích tiếp cận thị trường quốc tế và tạo ra nhu cầu mới là một động lực tăng trưởng mạnh.

2.6. Trung Quốc trỗi dậy tạo ra những cơ hội và thách thức phát triển lớn

+ Trung Quốc đang thiết lập lại cực diện phát triển, có vai trò ngày càng quan trọng trong việc tạo luật chơi ở

Đông Á. Trung Quốc đang đề xuất hàng loạt ý tưởng phát triển mới với tầm vóc toàn cầu và khu vực, đang liên kết cùng với các quốc gia trong khu vực thực hiện các chương trình phát triển lớn [*chiến lược "Một trục hai cánh", chương trình hợp tác Tiểu vùng Mêkông mở rộng, sáng kiến hình thành "cực tăng trưởng mới Trung quốc - ASEAN"*]. Cho dù mới ở cấp độ ý tưởng hoặc mới khởi động, các sáng kiến và chương trình phát triển đó đang được Trung Quốc tích cực cổ động và triển khai thực hiện. Chắc chắn quá trình này sẽ mang lại những thay đổi mạnh mẽ trong cục diện, xu thế và triển vọng phát triển của Đông Á và châu Á.

• Không khó để nhận ra rằng việc thiết kế và triển khai chiến lược phát triển của các quốc gia trong khu vực, trong một chừng mực đáng kể, phải căn cứ vào động thái hiện thực hóa các sáng kiến và chương trình phát triển nêu trên của Trung Quốc.

Gợi ý này càng đặc biệt đúng đối với chương trình phát triển "Hai hành lang một vành đai" mà Việt Nam là một chủ thể cũng như đối với sự phát triển của toàn bộ vùng phía Bắc Việt Nam. Đơn giản là các sáng kiến và chương trình phát triển mới do Trung Quốc đề xuất ("*Một trục hai cánh", "Cực tăng trưởng mới Trung Quốc - ASEAN"*) đều có phạm vi bao quát rộng lớn, trùm hẳn lên không gian "hai hành lang, một vành đai" và toàn bộ vùng phía Bắc Việt Nam.

+) Trong giai đoạn 2011-2020, thay vì chỉ tiếp nhận đầu tư nước ngoài, Trung Quốc sẽ tích cực đầu tư ra thế giới. Những ngành tiêu tốn năng lượng, nguyên liệu, lao động rẻ và gây ô nhiễm môi trường sẽ "chuyển dịch" sang các nước kém phát triển hơn. ASEAN dễ trở thành nơi chuyên cung cấp đầu vào cho Trung Quốc. Xu hướng tăng giá đồng nhân dân tệ càng thúc đẩy quá trình này.

+) Sự tăng trưởng "nóng" của Trung Quốc và tác động gây mất cân bằng vĩ mô toàn cầu từ sự bùng nổ phát triển của Trung Quốc và Ấn Độ, một cách khách quan, đang gây ra những thách thức phát triển toàn cầu. Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cao cho một nền kinh tế khổng lồ, Trung Quốc đang thực hiện phương châm "bảo toàn nguồn lực quốc gia", "tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn lực bên ngoài, nhất là ở những vùng sử dụng chung", "xa trước, gần sau". Đây là một chiến lược đúng đắn, xét trên quan điểm lợi ích phát triển quốc gia lâu dài. Định hướng chiến lược này có thể trở thành một gợi ý hành động cho nhiều nước khác. Tuy nhiên, dễ nhận thấy rằng việc triển khai nó sẽ làm căng thẳng thêm quan hệ cung - cầu nguyên liệu, năng lượng trên thị trường thế giới, gây tác động tiêu cực trực tiếp đến các nền kinh tế láng giềng, đặc biệt là những nền kinh tế kém phát triển hay yếu thế hơn.

Nhìn tổng thể cả hai phía thời cơ và thách thức do Trung Quốc (và Ấn Độ)

mang lại, gợi ý rút ra là: Các nước trong khu vực cần có chiến lược khôn ngoan, hợp lý để tận dụng cơ hội bùng nổ phát triển của Trung Quốc và Ấn Độ để bứt phá, tiến vượt lên, ứng phó linh hoạt và hiệu quả với những tác động tiêu cực gây ra từ đó. Sự gắn kết về địa lý với hai nền kinh tế lớn này cần được quan niệm như một lợi thế tuyệt đối để tận dụng thời cơ “vàng” đang mở ra.

Ngoài ra, đối với Việt Nam, trực tiếp là các tỉnh phía Bắc, vùng được hưởng lợi thế tự nhiên liền kề Trung Quốc, cần đặc biệt lưu ý hai tình huống có khả năng gây tác động đột phá phát triển trong giai đoạn tới. Đó là:

a) *Công thức đầu tư mới “Trung Quốc + 1”.*

b) *Xu hướng tăng giá đồng nhân dân tệ trong khi Trung Quốc là nước có lượng dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới.*

Hai yếu tố này sẽ có tác động mạnh đến dòng đầu tư (dịch chuyển cơ cấu) và dòng ngoại thương (phân bổ thị trường) trên thế giới và trong khu vực. Có cơ sở để dự báo rằng chúng sẽ tác động trực tiếp và mạnh đến Việt Nam, nhất là các tỉnh phía Bắc, trong đó Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng là những “nút” trọng điểm.

3. Bối cảnh phát triển trong nước

Tình huống phát triển cơ bản của Việt Nam hiện nay được khắc họa bằng ba yếu tố chính:

3.1. Thế và lực phát triển của đất nước sau 20 năm đổi mới - mở cửa đã thay đổi

sâu sắc theo hướng tích cực là chính. Đà tăng trưởng cao, bền vững, sự ổn định chính trị - xã hội và định hướng cải cách thị trường - mở cửa mạnh là những đặc trưng nổi bật của nền kinh tế đổi mới của Việt Nam hiện nay.

3.2. Triển vọng phát triển to lớn và những thách thức hội nhập gay gắt mở ra. Có thể quy lại thành hai tuyến cơ hội và thách thức chủ yếu: a) Bùng nổ đầu tư nước ngoài và khả năng tiếp cận đến các nguồn lực phát triển quốc tế; b) Mở rộng không gian phát triển quốc tế giai đoạn “hậu gia nhập WTO”.

3.3. Việc thực hiện chiến lược biển mở ra địa bàn phát triển rộng lớn, đòi hỏi một cách tiếp cận CNH, HĐH mới và những cơ hội - thách thức to lớn mới.

Ba yếu tố đó tổ hợp lại, xác định xu thế và triển vọng phát triển dài hạn của nước ta. Nó đòi hỏi cách tư duy phát triển mới - tư duy phát triển trong hội nhập, dựa vào hội nhập và nhằm mục tiêu hội nhập (thắng lợi).

Khung cảnh chung đó tạo thành bối cảnh phát triển cho khu vực phía Bắc, với hạt nhân là Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

II. PHÁT TRIỂN VÙNG PHÍA BẮC TRONG BỐI CẢNH “HAI HÀNH LANG, MỘT VÀNH ĐAI”

1. Thực trạng

Trong khoảng 5 năm gần đây, vùng địa lý - kinh tế này đang có những chuyển động mạnh, thậm chí mang tính đột phá với các đặc trưng nổi bật sau:

+ Được khởi động bằng việc xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối các tỉnh đạt chất lượng cao (nhưng vẫn chưa có đường cao tốc đúng nghĩa).

+ Bùng nổ thu hút đầu tư ở tất cả các tỉnh thuộc Vùng trọng điểm, điển hình là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Tây, Hải Dương, Hưng Yên đang khởi động mạnh. Sự lan tỏa - đua tranh phát triển diễn ra mạnh ở Thái Bình, Hà Nam, Bắc Giang, Lào Cai.

+ Định hướng thu hút công nghệ cao và phát triển dịch vụ - du lịch khá rõ ở tất cả các tỉnh. Đây là kết quả của sự lựa chọn mang tính thị trường rõ rệt, dựa trên sự đánh giá các lợi thế và tiềm năng phát triển của vùng, gồm lợi thế tự nhiên (đồng bằng tập trung dân cư, nhiều tài nguyên du lịch đặc sắc) và lợi thế xã hội (nguồn nhân lực có học vấn, mức độ liên kết địa lý - văn hóa, v.v...)

+ Chưa dựa trên một quy hoạch phát triển vùng; không được định hướng, tổ chức và quản lý bằng một thể chế kinh tế Vùng phù hợp; tính liên kết phát triển vùng hầu như chưa có, mức độ tự phát - cục bộ (tỉnh) cao gắn với tính đua tranh phát triển giữa các tỉnh mạnh.

Những đặc trưng trên phản ánh tiềm năng và triển vọng bùng nổ phát triển của Vùng phía Bắc cũng như Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Nhưng mặt khác, cũng cần thấy rằng mặc dù đã hình thành "Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ", được quan niệm là "đầu tàu tăng trưởng" của toàn bộ Vùng

phía Bắc, song, sự tồn tại vùng theo đúng nghĩa của Vùng này cho đến nay vẫn còn mơ hồ. Ngoại trừ việc tạo lập thêm một số tuyến giao thông có tác dụng kết nối phát triển một số tỉnh khá tốt (nhưng vẫn chưa có đoạn đường nào thực sự là đường "cao tốc"), quá trình phát triển vùng vẫn theo kế hoạch phát triển quốc gia truyền thống, là tổng số "cộng" các chương trình, dự án phát triển của các tỉnh chứ không phải là sự liên kết phát triển vùng thực sự. Chưa hề có chiến lược hay chương trình hành động phát triển hay phối hợp phát triển cấp vùng, thậm chí là liên tỉnh.

Những khảo cứu gần đây cho thấy sự phát triển của các tỉnh hiện đều mang tư duy "hội nhập phát triển" lỏng lẻo và một tầm nhìn cục bộ chật hẹp, ít mang tính liên kết liên tỉnh, liên vùng.

Đó chính là vấn đề nổi bật đầu tiên cần tháo gỡ để tạo liên kết phát triển nhằm phát huy đầy đủ thế mạnh và tiềm năng rất lớn của Vùng.

Trung Quốc đã có những bước đi mạnh mẽ trong việc thực hiện Chương trình "Hai hành lang, một vành đai" và đã đạt được những bước tiến thực sự rõ ràng.

Trong khi đó, về phía Việt Nam, việc triển khai chương trình lại diễn ra chậm. Đặc biệt, việc kết nối các tuyến giao thông để tạo thành hành lang phát triển nội địa và tổ chức kết nối với Trung Quốc cho đến nay hầu như chưa "động đậy"⁽⁶⁾.

Sự ách tắc trước tiên là từ cách tiếp cận đến chương trình phát triển. Đến thời điểm này, sự quan tâm hành động chỉ thực sự thể hiện rõ ở vài tỉnh biên giới có kết nối hành lang trực tiếp với Vân Nam và Quảng Tây là Quảng Ninh, Lạng Sơn và Lào Cai. Tuy nhiên, đây chủ yếu chỉ là sự kết nối mang tính địa phương, chưa được đặt trong một chương trình tổng thể Vùng và quốc gia, hiệu ứng lan tỏa còn hạn chế.

Do tiềm lực mỏng, tầm nhìn hạn chế, một phần là do phạm vi chức năng quyền hạn (bị giới hạn trong địa bàn tỉnh), một phần do bị “cái khó bó cái khôn”, nên nỗ lực của các tỉnh riêng lẻ là khá đơn độc, chủ yếu dừng lại ở nỗ lực phát triển mấy trung tâm thương mại cửa khẩu tầm vóc cấp tỉnh (Móng Cái, Lạng Sơn và Hà Khẩu) mà chưa phát huy hết vai trò đầu mối lan tỏa phát triển quốc gia - vùng trên cơ sở liên kết quốc tế. Những cố gắng mang tính địa phương này chưa được nuôi dưỡng bằng sự quan tâm tổng thể, dài hơi và mang tính toàn cục quốc gia và đại cục vùng.

Ba biểu hiện cụ thể của tình trạng đó là:

- Không chú trọng phát triển hệ thống giao thông cao tốc kết nối vùng, tạo thành hành lang phát triển quốc tế đúng tầm;

- Ngân sách Trung ương “tận thu” thuế xuất - nhập khẩu qua các cửa khẩu với Trung Quốc quá sớm, thu hẹp đáng kể nguồn đầu tư tái tạo phát triển vùng

kinh tế cửa khẩu và phát triển hạ tầng giao thông kết nối trên địa bàn tỉnh⁽⁶⁾. Do đó, các tỉnh này thiếu nguồn lực tái đầu tư để thúc đẩy phát triển khu kinh tế cửa khẩu, tụt hậu mạnh so với đối tác Trung Quốc, đồng thời không tạo được đầu mối lan tỏa phát triển theo dọc hành lang phía Việt Nam.

- Định hướng phát triển theo cách liên kết theo hành lang không rõ, bắt nguồn từ chỗ chưa xác định cụ thể tư duy và nguyên tắc phát triển vùng kinh tế hiện đại. Bản chất vấn đề là ở chỗ muốn thực hiện liên kết phát triển theo hành lang, ngoài việc phải *tạo các tuyến hành lang giao thông “trục”*, còn phải dựa vào *những trung tâm phát triển mạnh dọc hành lang*. Các trung tâm này chính là các khu kinh tế, khu mậu dịch, khu công nghiệp tập trung, hay ở tầm nhìn xa hơn, là các đô thị hiện đại với vai trò là những trung tâm phát triển. Trong định hướng dài hạn, theo nguyên tắc thị trường, những trung tâm này phải là *những thực thể cạnh tranh mạnh*, nhờ đó, *mới liên kết phát triển tốt*. Ngày nay, muốn là đối tác tốt, trước hết phải là đối thủ mạnh. Đây là một nguyên lý phát triển hiện đại.

2. Liên kết phát triển vùng: vài gợi ý ban đầu

2.1. Đánh giá lại lợi thế phát triển trên quan điểm Vùng

Các tỉnh trong vùng đều có những tiềm năng và thế mạnh phát triển đặc thù. Từng tỉnh đã nhận diện tiềm năng và thế mạnh phát triển của mình để

thiết kế chiến lược và chính sách phát triển một cách ngày càng sâu sắc, đầy đủ và hiện đại. Nhưng đa số kết quả đạt được chủ yếu dừng lại ở cấp tỉnh, mang tính cục bộ và “tự cấp, tự túc”.

Điểm mấu chốt còn lại nhưng chưa được giải quyết là trong một vùng địa lý có quy mô vừa phải, cần phải làm gì để liên kết tiềm năng và thế mạnh của các tỉnh thành một khối tổng thể nhằm tạo ra sức mạnh “chuỗi”, đáp ứng tốt hơn yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế⁽⁷⁾.

Để giải quyết vấn đề, việc cần làm đầu tiên hiện nay là nhận diện lại tiềm năng và thế mạnh tổng quát của Vùng chứ không phải đo đếm nguồn lực của từng tỉnh.

Vùng phía Bắc có ba lợi thế cơ bản:

- Không gian địa lý - lịch sử - văn hóa thống nhất;

- Tiềm năng nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Lối mở thông ra biển hiệu quả nhất của vùng Tây Nam Trung Quốc. Đây là thế mạnh hợp tác với Trung Quốc trên quan điểm “Hai hành lang, một vành đai”. Có thể coi đây là một phần trong lợi thế địa - chiến lược to lớn;

- Nguồn tài nguyên du lịch - cả tài nguyên thiên nhiên (Vịnh Hạ Long, Cát Bà, Tam Đảo, Quan Sơn, Sa Pa, v.v...) lẫn tài nguyên lịch sử - văn hóa (Hà Nội, Yên Tử, Chùa Hương, Bắc Ninh, v.v...) phong phú, độc đáo và giàu bản sắc⁽⁸⁾. Cho đến nay, tiềm năng du lịch đặc biệt

to lớn của vùng mới được khai thác một cách hạn chế, một phần quan trọng là do thiếu chiến lược vùng;

Sự *hội tụ* của các tiềm năng, lợi thế phát triển nêu trên tạo cho vùng phía Bắc sức hấp dẫn đầu tư và triển vọng phát triển dài hạn sáng sủa. Dựa vào những lợi thế đó, việc thu hút các nguồn lực vào khai thác chúng một cách hiệu quả sẽ đóng vai trò quyết định để các tỉnh hội nhập phát triển Vùng và quốc tế thành công, tạo sự bứt phá phát triển, tiến vượt lên.

2.2. Đánh giá bất lợi thế

Tuy nhiên, trong xu thế phát triển hiện nay, các tỉnh trong Vùng cũng còn những khó khăn, bất cập. Xem xét trên quan điểm năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai, có thể chỉ ra một số điểm yếu kém chính như sau:

a) *Kết cấu hạ tầng*, nhất là hạ tầng giao thông (đường bộ, cảng biển), hạ tầng đô thị và cung cấp năng lượng yếu kém, không thể đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại.

Hệ thống giao thông đường bộ (nội tỉnh, liên tỉnh, vùng), tuy trong thời gian qua đã được nâng cấp, hiện đại hóa và tạo thành mạng kết nối liên tỉnh, song: i) chất lượng thấp; ii) không đủ kết nối thành mạng vùng, hành lang phát triển hay thậm chí, chỉ các nút phát triển lớn; iii) bị quá tải; iv) xuống cấp nghiêm trọng.

Các cảng biển được đầu tư chưa đồng bộ nên hiệu quả khai thác không cao, chưa đáp ứng yêu cầu tăng trưởng ngoại thương của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, chưa nói đến năng lực đáp ứng yêu cầu hội nhập của các tỉnh Tây Nam Trung Quốc.

Quá trình đô thị hóa của Vùng trong thời qua có tăng tốc nhưng chủ yếu “quảng canh”. Do thiếu vốn, quy hoạch chưa có tầm nhìn tổng thể dài hạn nên triển khai xây dựng thiếu đồng bộ, ít tính kết nối và kém hiệu quả. Cơ sở hạ tầng đô thị hiện có của tất cả các đô thị trong Vùng phát triển chưa tương xứng với tốc độ CNH và hội nhập quốc tế đang diễn ra. Đô thị hóa vẫn là quá trình bị “tụt hậu” xa. Đáng dáp các thành phố vừa được nâng cấp vẫn ở trình độ đô thị cấp thị trấn mở rộng hơn là một trung tâm kinh tế hiện đại, được xây dựng thành một thực thể cạnh tranh phát triển mạnh.

Hệ thống cung cấp năng lượng trong Vùng, giống tình trạng chung cả nước, còn yếu kém. Mặc dù là Vùng có nguồn cung cấp năng lượng lớn cho cả nước (Quảng Ninh) và có tiềm năng điện năng lớn, song, hệ thống cung cấp điện trong Vùng hiện chưa đáp ứng đủ nhu cầu của Vùng với tư cách là một trung tâm công nghiệp nặng và du lịch lớn của cả nước, chưa nói đáp ứng yêu cầu mà xu thế bùng nổ phát triển tương lai của Vùng đòi hỏi.

b) *Chất lượng nguồn nhân lực*, so với yêu cầu phát triển công nghệ cao, còn

yếu và rất thiếu. Đặc biệt, nguồn nhân lực cho các ngành du lịch, dịch vụ cao cấp thiếu nghiêm trọng. Các tiêu chuẩn chất lượng lao động hiện đại như tay nghề chuyên môn, tri thức tin học, trình độ ngoại ngữ và kiến thức văn hóa - lịch sử của lực lượng lao động nhìn chung còn thấp xa so với yêu cầu. Trong tầm nhìn dài hạn và trên quan điểm hội nhập, sự thiếu hụt này sẽ là yếu tố cản trở mạnh sự phát triển của Vùng theo hướng phát huy thế mạnh đặc thù...

c) *Đội ngũ doanh nhân - doanh nghiệp* trên địa bàn Vùng phát triển không đều, nhìn chung còn nhỏ, yếu, sức cạnh tranh thấp. Một số tỉnh có nền công nghiệp và số lượng doanh nghiệp yếu kém đến mức có thể coi là vùng trắng “công nghiệp” và “doanh nghiệp”. Trong vùng, kể cả những tỉnh có sự phát triển mạnh gần đây như Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, ba khối doanh nghiệp là nhà nước, tư nhân Việt Nam và đầu tư nước ngoài chưa liên kết, hợp tác chặt chẽ, do vậy, hiệu quả phát triển càng chậm được cải thiện.

d) *Tầm nhìn phát triển*, thể hiện trong diện mạo thực tế và định hướng chiến lược, còn mang tính cục bộ, chưa phản ánh một tầm nhìn xa (lãng mạn phát triển), chưa đặt trong sự kết nối vùng (nội địa) và xu thế liên kết - phát triển khu vực (quốc tế) đang rất sôi động và nhiều triển vọng.

2.3. Gợi ý định hướng phát triển vùng trên quan điểm "Hai hành lang, một vành đai"

** Hai nguyên tắc tiếp cận chủ đạo*

Thứ nhất, tư duy "phát triển chuỗi đô thị - trung tâm phát triển cạnh tranh" dọc hành lang phát triển, nhất là tại các điểm cửa khẩu đầu nối với Trung Quốc. Thực chất của tư duy này là: đô thị hiện đại là một thể lực cạnh tranh phát triển quan trọng bậc nhất của tương lai. Cách tiếp cận này bắt đầu vượt thoát khỏi cách tiếp cận cạnh tranh cũ - cạnh tranh bằng các sản phẩm cụ thể, cạnh tranh bằng khu công nghiệp hay khu kinh tế với các ưu đãi và hỗ trợ mạnh. Cạnh tranh đô thị là cạnh tranh toàn diện, bằng sức hút dân cư, bằng sức tiêu thụ và lối sống, gắn kết với cạnh tranh thu hút đầu tư. Đô thị không chỉ là tổ chức không gian sống, với tư cách là một phạm trù chủ yếu mang tính xã hội. Ngày nay, nhất là trong xu thế hiện đại, đô thị càng là một thể lực cạnh tranh phát triển tổng lực đầy sức mạnh.

Các tỉnh vùng biên, với các điểm cửa khẩu kinh tế nối với Trung Quốc trên hành lang, có điều kiện và cần đi đầu trong việc thực hiện cách tiếp cận phát triển mới này. Cần phải hình thành các *đô thị - cửa khẩu đôi đẳng* với Trung Quốc, tạo thành các điểm kết nối mạnh, làm khởi điểm lan tỏa phát triển cho toàn bộ tuyến hành lang và Vùng kinh tế phía sau.

Tư duy này cũng cần được tiếp nối trong sự phát triển chuỗi đô thị dọc

hành lang phát triển ở các tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ phía dưới.

Tất nhiên, để thực hiện ý tưởng này, cần rất nhiều điều kiện - sự hỗ trợ to lớn về vốn, về phương tiện kỹ thuật, về nhân lực. Nhưng quan trọng nhất là phải thông về ý tưởng, trên cơ sở đó, có định hướng và cơ chế thực thi phù hợp. Trong cách ứng xử phát triển hiện nay, trong nhiều trường hợp, rất tiếc, đây thường là khâu khó khăn nhất: mất nhiều thời giờ để thuyết phục, tốn nhiều trí não để vượt qua các cửa ải "cho phép" hành chính, do đó, dễ dẫn đến sự chán nản và đánh mất thời cơ.

Thứ hai, tư duy phát triển vùng phải là yếu tố chủ yếu xác định tầm nhìn và triển vọng của chiến lược và các chương trình phát triển của các tỉnh.

Tầm nhìn hạn hẹp, mang tính cục bộ địa phương đang là yếu tố chi phối định hướng chiến lược phát triển của các địa phương hiện nay. Căn bệnh này có nguồn gốc cơ chế hơn là sự hạn chế về năng lực của cán bộ. Gần đây, đã xuất hiện những yếu tố thúc đẩy xu hướng vượt khỏi khung khổ cục bộ "tỉnh" để vươn ra tư duy phát triển vùng.

Rõ ràng, từng tỉnh trong vùng không thể phát huy hết tiềm năng to lớn về du lịch của mình nếu không đặt nó trong khung cảnh du lịch toàn vùng Bắc Bộ, kết nối sang Quảng Tây và Vân Nam. Chỉ trong khung khổ đó, các tỉnh mới giải quyết hợp lý và hiệu quả - về thời gian, không gian và khối lượng đầu tư - các yếu tố bảo đảm cho du lịch - hạ tầng giao thông, cung cấp thực phẩm sạch

khối lượng lớn, nguồn nhân lực, nối tour dài ngày, v.v...

Để có tư duy vùng, và khó hơn, để tư duy vùng trở thành chiến lược hành động vùng, cần sự nỗ lực không chỉ của từng tỉnh mà phải của cả vùng và cả nước, ở tất cả các cấp. Và đây chính là bài toán khó bậc nhất đặt ra cho một nền kinh tế đang chuyển đổi, còn chưa thoát khỏi sự manh mún, nhỏ lẻ và chậm chạp của tư duy tiểu nông, khi hệ thống giao thông vẫn chưa bảo đảm sự kết nối thông suốt bằng sự an toàn của tốc độ cao.

Thứ ba, phải tận dụng tối đa lợi thế do khả năng bùng nổ làn sóng đầu tư nước ngoài đổ vào vùng để cải thiện, nâng cấp mạnh mẽ cơ cấu công nghiệp theo hướng nhảy vọt công nghệ, nâng cao khả năng gia nhập vào chuỗi giá trị gia tăng khu vực ở nấc thang công nghệ cao. Định hướng thu hút chính là các đối tác có tiềm lực công nghệ cao, tài chính và thị trường (các công ty lớn, các tập đoàn mạnh từ nền kinh tế phát triển). Trên quan điểm hội nhập theo tuyến hành lang, mục tiêu là tạo ra các thực thể cạnh tranh mạnh, các trung tâm kinh tế được tổ chức theo chuỗi dọc hành lang để trên cơ sở đó, tạo ra tuyến hành lang phát triển dựa trên sự hội nhập hiệu quả giữa các đối tác Việt Nam với các đối tác Trung Quốc.

*** Một số việc ưu tiên thực hiện theo lộ trình*

- Quy hoạch phát triển tổng thể Vùng theo hai khối ngành lớn (công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ - du lịch chất

lượng cao) và theo chuỗi đô thị hiện đại. Đặc biệt chú trọng phát triển các đô thị cửa khẩu theo nguyên tắc hình thành đô thị cạnh tranh đối đẳng qua biên giới.

- Đẩy mạnh tháo gỡ các điểm nút phát triển theo tuyến hành lang và kết nối vùng: xây dựng và cải tạo hai tuyến đường giao thông cao tốc (sắt và bộ); các tuyến đường liên kết nội vùng và cụm cảng Hải Phòng, Quảng Ninh.

- Ưu tiên phát triển hệ thống cung cấp năng lượng.

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó, chú trọng hai nhóm lao động chất lượng đặc thù: lao động công nghệ và lao động dịch vụ - du lịch.

- Tháo gỡ một số “nút” thể chế để tạo đột phá thu hút đầu tư nước ngoài, trong đó, ưu tiên các đối tác mạnh, đặc biệt chú ý định hướng phát triển doanh nghiệp trong nước vào các ngành công nghiệp phụ trợ (tạo kết nối khu vực FDI và khu vực tư nhân trong nước).

CHÚ THÍCH

1. Có hai khái niệm cần được thống nhất quy ước. Khái niệm “hành động địa phương” hàm ý một chiến lược phát triển được thiết kế cho một vùng lãnh thổ. Theo đó, khái niệm địa phương ở đây sẽ không bị “đóng đinh” trong phạm vi tỉnh. Nó có ý nghĩa tương đối: quốc gia là địa phương trong quan hệ toàn cầu, cũng như vùng là

địa phương so với quốc gia, còn tỉnh là địa phương so với toàn quốc hay vùng. Khái niệm địa phương ở đây gắn với không gian tổ chức chiến lược hành động, bảo đảm đạt hiệu quả tối ưu. Ví dụ, hiện nay, trong thế liên kết và hội nhập phát triển, chiến lược phát triển hạ tầng giao thông không thể bó hẹp trong từng huyện hay tỉnh mà ít nhất cũng phải được xác định trong không gian vùng (ví dụ, Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ). Hay sự phát triển du lịch của một tỉnh, để bảo đảm hiệu quả, phải đặt trong tầm nhìn vùng, theo quy hoạch chiến lược mang tính vùng.

2. Đảng ta xác định: nguy cơ lớn nhất của nước ta hiện nay là tụt hậu phát triển. Nhận định này càng đúng trong bối cảnh nước ta tiến hành hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

3. Bao gồm: Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn (thuộc hành lang nối với Nam Ninh, Trung Quốc), Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai (thuộc hành lang nối với Côn Minh, Trung Quốc).

4. BRIC: Braxin, Rusia, India, China. Trong nhóm này, Trung Quốc và Ấn Độ đang nổi lên như những đối thủ cạnh tranh toàn cầu về kinh tế và khoa học công nghệ rất trẻ và rất mạnh.

VISTA: Việt Nam, Indonesia, South Africa, Turkey, Argentina.

5. Tin mừng mới nhất là việc Chính phủ vừa mới quyết định triển khai dự án đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai. Tuy nhiên, theo kế hoạch, cũng phải tới năm 2012 dự án mới hoàn thành. Trong khi đó, phía Trung Quốc đã gần đầu nối thông tuyến cao tốc Côn Minh - Hà Khẩu.

6. Cách đây 3-4 năm, một số tỉnh đã xin được quy chế Trung ương để lại cho tỉnh 50% số thuế thu được qua cửa khẩu. Số tiền này được quy định sử dụng vào mục tiêu phát triển các khu kinh tế cửa khẩu và nâng cấp đường giao thông kết nối với cửa khẩu. Quy chế này có tác động khuyến khích tình đầu tư nâng cấp các cơ sở kinh tế cửa khẩu và thúc đẩy hội nhập rất mạnh. Tuy nhiên, chỉ sau vài năm, quy chế này lại thay đổi: phần để lại cho địa phương chỉ còn khoảng 20%. Kết quả là nhiều dự án đang làm bị "treo". Tình mất động lực khuyến khích và thiếu nguồn lực để triển khai chương trình hội nhập và liên kết phát triển.

7. "Hai hành lang, một vành đai" là chiến lược khả dĩ đáp ứng tốt yêu cầu này

8. Đặc biệt, tiềm năng này nếu kết nối với tiềm năng của Quảng Tây, Vân Nam, Quảng Đông và Hải Nam (Trung Quốc) sẽ được nhân bội lên nhiều lần. Cho đến nay, tiềm năng du lịch đặc biệt to lớn của Vùng được khai thác rất hạn chế, một phần quan trọng là do thiếu chiến lược vùng.